

Bản án số 15/2020/DS-PT
Ngày 06-5-2020
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2020, thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 32/TB-TA ngày 13/3/2020, Thông báo số 36/TB-TA ngày 30/3/2020 và Thông báo số 47/TB-TA ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị Ng**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm , Thôn C, Xã T, Huyện Th, Tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**- sinh năm 1951

Địa chỉ: Xóm , Thôn C, Xã T, Huyện Th, Tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1951

Địa chỉ: Xóm , Thôn C, Xã T, Huyện Th, Tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Vũ Thị Ng trình bày: Ngày 24/01/2012 (âm lịch), bà cho bà Thơm vay 270.000.000 đồng, buổi chiều cùng ngày bà cho bà Th vay tiếp 70.000.000 đồng. Ngày 11/5/2019, bà cho bà Th vay 100.000.000 đồng. Tổng 440.000.000đ. Khi nhận tiền, bà Th viết giấy ghi nợ. Việc cho vay không xác định thời hạn trả. Nguồn tiền cho vay là tiền riêng không liên quan đến ai trong gia đình. Về lãi suất, hai bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Bà Th đã trả được 05 tháng tiền lãi của số tiền 340.000.000 đồng và một tháng tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng, tổng số tiền lãi bà Th đã trả là 36.000.000 đồng.

Khi cần tiền, bà đã đòi bà Th nhiều lần nhưng bà Th không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th phải trả 440.000.000 đồng tiền gốc, tự nguyện không yêu cầu giải quyết tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th xác định có vay của bà Ng 440.000.000 đồng, với mức lãi suất 3000 đồng/01 triệu/ngày, tổng số tiền lãi đã trả bà Ng là 162.000.000đ. Nay bà đề nghị Tòa án xem xét lại số tiền lãi bà đã trả vì quá cao so với quy định của pháp luật. Nếu được chấp nhận thì trừ tiền lãi vào số tiền gốc còn nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân (TAND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ các Điều 8, 11, 164, 166, 275, 280, 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị Ng đối trừ số tiền lãi suất bà Th đã trả vượt quá mức lãi suất 1,125%/ tháng vào số nợ gốc, sau khi trừ đi số tiền lãi bị đơn phải trả. Buộc bà Nguyễn Thị Thơm phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị Ng số tiền nợ gốc là 424.250.000 (*Bốn trăm hai mươi tư triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/11/2019 bà Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu tính lại lãi suất, tổng tiền lãi đã trả là 162.000.000đ - 20.250.000đ (lãi theo quy định của pháp luật)=141.750.000đ, số tiền này trừ vào nợ gốc là 440.000.000đ - 141.750.000đ = 289.250.000đ. Đề nghị được miễn tiền án phí phúc thẩm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Nguyên đơn không chấp nhận nội dung kháng cáo, thừa nhận số tiền lãi đã nhận của bà Th là 36.000.000đ, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư Ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo gửi đơn kháng cáo trong thời gian luật định nên kháng cáo là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn về số tiền gốc và lãi HĐXX xét thấy: Theo giấy ghi nợ năm 2012, bà Th đã vay của bà Ng tổng số tiền là 440.000.000đ, bà Th thừa nhận nên đây là sự kiện không phải chứng minh, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS. Tại Giấy ghi nợ không ghi thời hạn trả, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn. Theo Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Thực tế, bà Ng đã thông báo yêu cầu bà Th trả nợ từ cuối năm 2012,

nhưng đến nay bà Th vẫn chưa trả, do vậy cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Bị đơn kháng cáo cho rằng việc tính lãi của bà Ng là 3000đ/1triệu/ngày là quá mức lãi suất quy định của pháp luật, bị đơn đã trả được 162.000.000đ tiền lãi nên phải trừ số tiền trả lãi vượt quá mức quy định vào số tiền gốc nên số tiền gốc còn lại là 298.250.000đ. HĐXX xét thấy: Tại sổ ghi nhận vay và trả lãi của nguyên đơn xuất trình cho Tòa án (BL06) đã ghi rõ khoản nợ của bà Th "**Trả 15300 lãi 25/2 Á 25/3 Á (trừ 1 ngày thiếu) 24/4 Á 24/5 Á**". HĐXX xét thấy trong giấy ghi nhận nợ trên không có chữ nào ghi lãi suất trả là 153.000.000đ, chỉ có dòng chữ ghi là "Trả 15300 lãi", nguyên đơn thừa nhận số tiền trên tính tiền lãi là 15.300.000đ. Trong khi đó nguyên đơn không thừa nhận lãi suất cho vay là 3000đ/1triệu/ngày nên không có căn cứ tính toán theo suy đoán của bị đơn để xác định lãi suất cho vay là 3000đ/1triệu/ngày, thành tiền là 153.000.000đ. Bà Th kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho bà Ng số tiền 162.000.000đ. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận việc bị đơn đã trả nguyên đơn số tiền lãi như trên để đối trừ với số tiền nợ gốc. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả được 36.000.000 đồng tiền lãi, nguyên đơn tự nguyện tính lãi suất 1,125%/tháng, đối trừ vào số lãi suất bị đơn đã trả, còn lại trừ vào nợ gốc. Với mức lãi suất là 1,125%/tháng bị đơn chỉ phải trả nguyên đơn 20.250.000 đồng nhưng bị đơn đã trả 36.000.000 đồng vượt quá lãi suất quy định là 15.750.000 đồng. Đối trừ vào số tiền gốc, bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn 424.250.000 đồng, do vậy cần buộc bị đơn bà Th phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Ng số tiền này. Từ các phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng pháp luật, đánh giá chứng cứ đầy đủ và buộc bà bị đơn phải trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình thêm chứng cứ mới có giá trị chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

[3] Về án phí: Nội dung kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nhưng bị đơn là người cao tuổi và đề nghị miễn tiền án phí nên HĐXX miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn theo quy định.

[4] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ Khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Th. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ các Điều 8, 11, 164, 166, 275, 280, 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ng.
2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị Ng đối trừ số tiền lãi suất bà Nguyễn Thị Th đã trả vượt quá mức lãi suất 1,125%/ tháng vào số nợ gốc, sau khi trừ đi số tiền lãi bị đơn phải trả.
3. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị Ng số tiền nợ gốc là 424.250.000 (*Bốn trăm hai mươi tư triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Th.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị Ng 10.800.000 đồng (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2017/0005679 ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

5. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- Chi cục T.H.A DS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. Lưu Tòa, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Minh Tân